

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-03-2023.
V/v: Ly hôn giữa chị O và anh
Đ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mãng.

2 – Ông L V Khết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị V T O, sinh năm 1995.

Trú tại: Bản X, xã Y, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh L V Đ, sinh năm 1995.

Trú tại: Bản X, xã Y, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị V T O trình bày:

Chị và anh L V Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 11/12/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L V Đ không chăm lo xây dựng gia đình. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ năm 2022 hai người sống không quan tâm đến

cuộc sống của nhau. Chị V T O xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh L V Đ.

Về con chung: Có một con là Lò Nhật Minh, sinh ngày 31/8/2014. Chị nhất trí để con cho anh L V Đ nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 420.000, đồng, kể từ tháng 4 năm 2023.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh L V Đ trình bày: Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị V T O và anh L V Đ. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị V T O. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một con là Lò Nhật Minh, sinh ngày 31/8/2014. Hai bên thỏa thuận để con cho anh nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con, về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu, tùy vào chị V T O tự nguyện.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho chị V T O được ly hôn anh L V Đ.

Con Chung: Giao cho anh L V Đ trực tiếp nuôi một con là cháu Lò Nhật Minh, sinh ngày 31/8/2014. Chị V T O tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 420.000, đồng (bốn trăm hai mươi nghìn đồng), kể từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị V T O chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh L V Đ sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã Y, huyện Mường La và đã triệu tập xét xử hợp lệ có đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn chị V T O có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V T O và anh L V Đ có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh L V Đ không chăm lo xây dựng gia đình. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị V T O và anh L V Đ đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị V T O yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị V T O được ly hôn anh L V Đ.

[3] Về con chung: Có một con là Lò Nhật Minh, sinh ngày 31/8/2014. Căn cứ vào nguyện vọng của con muốn ở với bố. Cần giao con cho anh L V Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V T O nhất trí tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 420.000, đồng, kể từ tháng 4 năm 2023, cần chấp nhận, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị V T O chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị V T O được ly hôn anh L V Đ.

2. Giao cho anh L V Đ trực tiếp nuôi một con là cháu Lò Nhật Minh, sinh ngày 31/8/2014. Chị V T O tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 420.000, đồng (bốn trăm hai mươi nghìn đồng), kể từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị V T O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003800 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị V T O, anh L V Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Y, huyện Mường La (đề vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tuấn